

Biểu số 01**TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2022
	TỔNG SỐ	4,167,270.0
I	Đầu tư XDCB tập trung	730,070.0
	<i>Phân bổ về các cấp ngân sách</i>	<i>730,070.0</i>
1	Ngân sách tỉnh	511,049.0
2	Ngân sách cấp huyện	219,021.0
2.1	Thành phố Hải Dương	17,941.9
2.2	Thành phố Chí Linh	19,861.0
2.3	Thị xã Kinh Môn	18,275.5
2.4	Huyện Nam Sách	17,227.5
2.5	Huyện Kim Thành	18,481.1
2.6	Huyện Thanh Hà	18,301.2
2.7	Huyện Tứ Kỳ	19,464.4
2.8	Huyện Gia Lộc	17,540.1
2.9	Huyện Thanh Miện	17,973.2
2.10	Huyện Ninh Giang	18,578.6
2.11	Huyện Bình Giang	16,669.8
2.12	Huyện Cẩm Giàng	18,706.7
II	Thu sử dụng đất	3,200,000.0
	<i>Phân bổ về các cấp ngân sách</i>	<i>3,200,000.0</i>
1	Ngân sách tỉnh	440,400.0
2	Ngân sách cấp huyện và cấp xã	2,759,600.0
2.1	Thành phố Hải Dương	680,000.0
2.2	Thành phố Chí Linh	286,000.0
2.3	Thị xã Kinh Môn	164,000.0
2.4	Huyện Nam Sách	200,000.0
2.5	Huyện Kim Thành	180,000.0
2.6	Huyện Thanh Hà	200,000.0
2.7	Huyện Tứ Kỳ	181,600.0
2.8	Huyện Gia Lộc	161,000.0

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2022
2.9	Huyện Thanh Miện	210,000.0
2.10	Huyện Ninh Giang	167,000.0
2.11	Huyện Bình Giang	160,000.0
2.12	Huyện Cẩm Giàng	170,000.0
III	Nguồn thu xổ số kiến thiết	28,000.0
IV	Nguồn bội chi NSDP	209,200.0

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 (VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Bao gồm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Vốn XDCB	Thu tiền sử dụng đất	XSKT
TỔNG SỐ						7,351,654	5,168,264	3,347,062	837,261	979,449	511,049	440,400	28,000
A	TRẢ NỢ VỐN VAY						183,302	23,600	21,923	21,923			
B	CẤP VỐN ĐIỀU LỆ						350,000	100,000	50,000		50,000		
1	Cấp bổ sung vốn điều lệ Quỹ Đầu tư phát triển Hải Dương						150,000		50,000		50,000		
2	Cấp vốn điều lệ Quỹ Phát triển đất tỉnh Hải Dương						200,000	100,000					
C	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						166,490	1,020	40,000	13,100	20,000	20,000	
D	THỰC HIỆN DỰ ÁN						7,185,164	5,167,244	2,773,760	700,561	887,526	469,126	28,000
	Bao gồm												
1	Hỗ trợ thị xã Kinh Môn (để xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường trên địa bàn)						40,000		10,000	10,000			
2	Vốn phân bổ cho dự án						7,185,164	5,167,244	2,733,760	700,561	877,526	459,126	28,000
	- Dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021						2,449,110	2,063,034	204,077	176,567	27,511	9,494	2,366
	- Dự án chuyên tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022						1,225,295	1,004,241	582,202	332,636	249,565	104,098	25,634
	- Dự án chuyên tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2022						2,801,072	1,537,780	1,387,777	191,359	427,824	200,467	227,357
	- Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành sau năm 2022						709,687	562,189	559,705		172,626	145,067	27,558
D.1	Quốc phòng						185,309	185,309	123,812	46,859	41,412	11,412	30,000

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Bao gồm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Vốn XD	Thu tiền sử dụng đất	XSKT
I	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022					88,409	88,409	26,912	15,500	11,412	11,412		
1	Sở Chỉ huy cơ bản/Căn cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương	Chí Linh	B	2017-2022	3106; 31/10/2016	88,409	88,409	26,912	15,500	11,412	11,412		
II	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2022					96,900	96,900	96,900	31,359	30,000		30,000	
1	Công trình Quân sự HPA		B	2021-2024	102; 07/10/2021	96,900	96,900	96,900	31,359	30,000		30,000	
D.2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội					34,967	24,477	24,477		10,000		10,000	
	Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành sau năm 2022					34,967	24,477	24,477		10,000		10,000	
1	Xây dựng doanh trại đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ khu vực của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an tỉnh Hải Dương (hợp phần dự án Nâng cao năng lực cho lực lượng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ)		C	2022-2023	3866; 27/12/2021	34,967	24,477	24,477		10,000		10,000	
D.3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					543,580	276,278	27,122	20,650	6,472	761	3,344	2,366
I	Dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021					129,817	125,808	16,655	10,650	6,005	294	3,344	2,366
1	Nhà giảng đường, thực hành của Trường Cao đẳng Hải Dương	TPHD	C	2018-2020	3170; 17/10/2017	44,942	44,942	4,494	1,150	3,344		3,344	

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Bao gồm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Vốn XDCB	Thu tiền sử dụng đất	XSKT
2	Nhà lớp học của Trường THPT Hồng Quang, TPHD	TPHD	C	2019-2021	3826, 15/10/2018; 1281, 28/4/2021	43,866	43,866	7,866	5,500	2,366			2,366
3	Mở rộng, xây dựng và nâng cấp Trường THPT Kinh Môn II	Kinh Môn	C	KC: 2011	1602, 31/5/2011; 2338, 03/8/2017	41,009	37,000	4,294	4,000	294	294		
II	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2022					413,763	150,470	10,467	10,000	467	467		
1	Xây dựng Trường Đại học Hải Dương	Gia Lộc	B	KC: 2011	1972, 02/8/2010; 996, 15/4/2011; 1985, 08/7/2011; 3196, 17/12/2014	413,763	150,470	10,467	10,000	467	467		
D.4	Y tế, dân số và gia đình					299,805	299,805	195,518	135,292	60,226		34,592	25,634
	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022					299,805	299,805	195,518	135,292	60,226		34,592	25,634
1	Đầu tư xây dựng khối nhà Khám, hành chính, nghiệp vụ kỹ thuật và nội trú của Bệnh viện Phụ sản Hải Dương	TPHD	B	2020-2022	2885, 16/8/2019; 2983, 26/8/2019	299,805	299,805	195,518	135,292	60,226		34,592	25,634
D.5	Văn hóa, thông tin					738,160	737,160	111,187	34,417	40,954	20,000	20,954	
I	Dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021					648,705	648,705	32,917	23,917	9,000		9,000	
1	Trung tâm văn hóa xứ Đông	TPHD	B	2019-2020	1200; 17/4/2018	648,705	648,705	32,917	23,917	9,000		9,000	
II	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022					31,954	31,954	22,454	10,500	11,954		11,954	
1	Tu bổ, tôn tạo hạ tầng phía trước Đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Chí Linh	C	2020-2022	2910, 25/9/2020; 3860, 27/12/2021	31,954	31,954	22,454	10,500	11,954		11,954	

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Bao gồm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Vốn XD/CB	Thu tiền sử dụng đất	XSKT
III	Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành sau năm 2022					57,500	56,500	55,816		20,000	20,000		
1	Xây dựng Tượng đài Tiếng sấm đường 5	Kim Thành	B	2022-2024	1200; 23/4/2021	57,500	56,500	55,816		20,000	20,000		
D.6	Các hoạt động kinh tế					5,349,925	3,610,796	2,219,427	442,044	707,544	426,952	280,591	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					205,859	28,643	21,315	8,000	13,315	13,315		
	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022					205,859	28,643	21,315	8,000	13,315	13,315		
1	Tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hải Dương	Chí Linh	B	2018-2022	2395; 18/8/2020	176,460	14,244	6,917	1,500	5,417	5,417		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư vùng sạt lở xã Nhân Huệ, thành phố Chí Linh (giai đoạn 1)	Chí Linh	C	2020-2022	2324; 13/8/2020	29,399	14,399	14,399	6,500	7,899	7,899		
II	Giao thông					4,191,057	2,672,982	1,358,588	252,803	479,348	396,114	83,234	
II.1	Dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021					1,670,587	1,288,520	154,506	142,000	12,506	9,199	3,306	
1	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn 1)	Huyện Gia Lộc và Ninh Giang	B	2014-2020	1004; 29/3/2017	1,407,967	1,057,967	63,306	60,000	3,306		3,306	
2	Xây dựng đoạn tuyến đường từ cầu Triều đến đường tỉnh 389	Kinh Môn	B	2019-2021	3811; 30/10/2019	200,554	200,554	76,199	72,000	4,199	4,199		

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Bao gồm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Vốn XDCB	Thu tiền sử dụng đất	XSKT
3	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Cao Thắng - Tiền Phong đoạn từ Km5+000 đến Km8+800, huyện Thanh Miện	Thanh Miện	C	2017-2021	3324, 31/10/2017; 1287, 19/5/2020	62,067	30,000	15,000	10,000	5,000	5,000		
II.2	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022					403,600	403,600	235,020	110,803	124,217	61,847	62,369	
1	Xây dựng tuyến đường dẫn cầu Quang Thanh, huyện Thanh Hà	Thanh Hà	B	2020-2022	2239; 06/8/2020	195,654	195,654	75,979	60,000	15,979	15,979		
2	Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 38 với đường huyện 31, tỉnh Hưng Yên (đoạn thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương)	Cẩm Giàng	C	2020-2022	3810, 30/10/2019; 3606, 02/12/2020	67,113	67,113	37,113	20,000	17,113	17,113		
3	Xây dựng tuyến đường kết nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Chí Linh	C	2020-2022	2239; 03/7/2019	46,453	46,453	31,453	5,803	25,649	25,649		
4	Đường gom và đường ống cấp nước KCN Cẩm Điền - Lương Điền	Cẩm Giàng, Bình Giang	B	2012 - 2022	3412, 25/9/2009; 2303, 12/8/2011; 2743, 17/9/2021	94,380	94,380	90,475	25,000	65,475	3,106	62,369	
II.3	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2022					1,499,650	499,650	489,650		200,000	200,000		
1	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	Thanh Miện, Ninh Giang, Tứ Kỳ	B		1643; 03/6/2021	1,499,650	499,650	489,650		200,000	200,000		

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Bao gồm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Vốn XDCB	Thu tiền sử dụng đất	XSKT
II.4	Dự án khởi công mới, dự kiến hoàn thành sau năm 2022					617,220	481,212	479,412		142,626	125,067	17,558	
1	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đồng Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh	Chí Linh	B	2022-2025	3849; 25/12/2021	469,820	333,812	332,412		92,626	75,067	17,558	
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 394B, tỉnh Hải Dương (đoạn từ Quốc lộ 5 đến Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng)	Bình Giang và Cẩm Giàng	B	2022-2024	3850; 25/12/2021	147,400	147,400	147,000		50,000	50,000		
III	Du lịch					162,250	118,412	48,764	31,241	17,523	17,523		
	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022					162,250	118,412	48,764	31,241	17,523	17,523		
1	Hạ tầng du lịch sinh thái sông Hương, huyện Thanh Hà	Thanh Hà	B	2018-2022	3311, 30/10/2017; 2573, 07/9/2021	59,978	59,978	27,130	20,500	6,630	6,630		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	Thanh Miện	B	2017-2022	3204, 07/11/2016; 3601, 03/12/2021	52,296	29,296	9,296	2,459	6,837	6,837		
3	Đường hạ tầng du lịch vào chùa Huyền Thiên, Chí Linh	Chí Linh	B	2019-2022	3849, 17/10/2018; 964, 26/3/2021	49,975	29,137	12,338	8,281	4,056	4,056		
IV	Công nghệ thông tin					790,760	790,760	790,760	150,000	197,357		197,357	
	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2022					790,760	790,760	790,760	150,000	197,357		197,357	
1	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Hải Dương	Trung tâm Văn hóa xứ Đông và Sở TTTT	B	2021-2024	2538; 31/8/2021	299,860	299,860	299,860	60,000	80,000		80,000	

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Bao gồm		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Vốn XDCB	Thu tiền sử dụng đất	XSKT
2	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm dữ liệu của tỉnh cho Chính quyền điện tử và đô thị thông minh	Trung tâm Văn hóa xứ Đông	B	2021-2024	2539; 31/8/2021	449,578	449,578	449,578	75,000	102,357		102,357	
3	Xây dựng trung tâm giám sát an ninh không gian mạng (SOC) tỉnh Hải Dương	Trung tâm dữ liệu tỉnh - Trung tâm Văn hóa xứ Đông	C	2021-2023	2540; 31/8/2021	41,322	41,322	41,322	15,000	15,000		15,000	
D.7	Hoạt động của các cơ quan QLNN, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					33,418	33,418	32,218	21,300	10,918		10,918	
	<i>Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022</i>					<i>33,418</i>	<i>33,418</i>	<i>32,218</i>	<i>21,300</i>	<i>10,918</i>		<i>10,918</i>	
1	Trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hải Dương	TPHD	C	2020-2022	2457; 19/8/2020	33,418	33,418	32,218	21,300	10,918		10,918	

**DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN QUÁ HẠN THEO QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN THEO NHÓM DỰ ÁN (VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)
NHÓM A KHÔNG QUÁ 06 NĂM, NHÓM B KHÔNG QUÁ 04 NĂM VÀ NHÓM C KHÔNG QUÁ 03 NĂM**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
TỔNG SỐ						2,308,677	1,636,309	259,241	154,109	105,132	
I	Dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021 (chưa phê duyệt quyết toán)										
1	Nhà giảng đường, thực hành của Trường Cao đẳng Hải Dương	TPHD	C	2018-2020	3170; 17/10/2017	44,942	44,942	4,494	1,150	3,344	Quá hạn do năm 2021 đã bố trí đủ vốn nhưng không giải ngân hết vì chưa quyết toán và phải điều chỉnh giảm kế hoạch vốn. Kế hoạch năm 2022 phân bổ đủ vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành theo quyết toán được duyệt.
2	Nhà lớp học của Trường THPT Hồng Quang, THPT	TPHD	C	2019-2021	3826, 15/10/2018; 1281, 28/4/2021	43,866	43,866	7,866	5,500	2,366	Quá hạn do điều chỉnh bổ sung hạng mục năm 2021. Kế hoạch năm 2022 phân bổ đủ vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành theo quyết toán được duyệt.
3	Mở rộng, xây dựng và nâng cấp Trường THPT Kinh Môn II	Kinh Môn	C	KC: 2011	1602, 31/5/2011; 2338, 03/8/2017	41,009	37,000	4,294	4,000	294	Quá hạn do giai đoạn trước giãn tiến độ đầu tư. Kế hoạch năm 2022 phân bổ đủ vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành theo quyết toán được duyệt.
4	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn 1)	Huyện Gia Lộc và Ninh Giang	B	2014-2020	1004; 29/3/2017	1,407,967	1,057,967	63,306	60,000	3,306	Quá hạn do giai đoạn trước chưa cân đối được vốn theo tiến độ đầu tư. Kế hoạch năm 2022 phân bổ đủ vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành theo quyết toán được duyệt.
5	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Cao Thắng - Tiên Phong đoạn từ Km5+000 đến Km8+800, huyện Thanh Miện	Thanh Miện	C	2017-2021	3324, 31/10/2017; 1287, 19/5/2020	62,067	30,000	15,000	10,000	5,000	Quá hạn do năm 2020 điều chỉnh tăng quy mô và mức vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ. Kế hoạch năm 2022 phân bổ hỗ trợ đủ vốn thanh toán khối lượng hoàn thành cho dự án.
II	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022										
						295,064	272,064	153,813	63,459	90,354	

STT	Ngành, lĩnh vực/ Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Trong đó, KH vốn NSDP năm 2021 đã phân bổ	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
1	Sở Chỉ huy cơ bản/Căn cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương	Chí Linh	B	2017-2022	3106; 31/10/2016	88,409	88,409	26,912	15,500	11,412	Quá hạn do giai đoạn trước chủ yếu là vướng mắc về bồi thường GPMB dẫn đến tiến độ đầu tư chậm, khối lượng hoàn thành đạt thấp so với kế hoạch vốn giao. Kế hoạch năm 2022 phân bổ đủ vốn để đầu tư hoàn thành dự án.
2	Đường gom và đường ống cấp nước KCN Cẩm Điền - Lương Điền	Cẩm Giàng, Bình Giang	B	2012 - 2022	3412, 25/9/2009; 2303, 12/8/2011; 2743, 17/9/2021	94,380	94,380	90,475	25,000	65,475	Quá hạn do giai đoạn trước giãn tiến độ đầu tư (từ năm 2012). Kế hoạch năm 2022 phân bổ đủ vốn để đầu tư hoàn thành dự án theo tiến độ được duyệt.
3	Hạ tầng du lịch sinh thái sông Hương, huyện Thanh Hà	Thanh Hà	B	2018-2022	3311, 30/10/2017; 2573, 07/9/2021	59,978	59,978	27,130	20,500	6,630	Quá hạn do giai đoạn trước chủ yếu là vướng mắc về bồi thường GPMB, tổ chức đánh giá lại hiệu quả đầu tư của dự án dẫn đến tiến độ đầu tư chậm, khối lượng hoàn thành đạt thấp so với kế hoạch vốn giao. Kế hoạch năm 2022 phân bổ đủ vốn để đầu tư hoàn thành dự án theo tiến độ được duyệt (năm 2021 đã bố trí đủ vốn nhưng không giải ngân hết do khối lượng hoàn thành đạt thấp và phải điều chỉnh giảm kế hoạch vốn).
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cò, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	Thanh Miện	B	2017-2022	3204, 07/11/2016; 3601, 03/12/2021	52,296	29,296	9,296	2,459	6,837	Quá hạn do năm 2021 điều chỉnh bổ sung tăng tổng mức vốn ngân sách tỉnh và giai đoạn trước chưa cân đối, bố trí được vốn NSTW đầu tư dự án. Kế hoạch năm 2022 bố trí đủ vốn để đầu tư hoàn thành dự án theo tiến độ được duyệt.
III	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau năm 2022					413,763	150,470	10,467	10,000	467	
1	Xây dựng Trường Đại học Hải Dương	Gia Lộc	B	KC: 2011	1972, 02/8/2010; 996, 15/4/2011; 1985, 08/7/2011; 3196, 17/12/2014	413,763	150,470	10,467	10,000	467	Quá hạn chủ yếu do không huy động được các nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư cho dự án. Giai đoạn 2021-2025 dự án tạm dừng bố trí vốn NSNN để sắp xếp lại. Kế hoạch năm 2022 phân bổ đủ vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành theo quyết toán hạng mục công trình được duyệt.

PHÂN BỐ VỐN BỘI CHI NSDP NĂM 2022 (VAY LẠI ODA)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021					Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2022 (vốn bội chi NSDP)		
						TMDT													
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (ước giải ngân)				
								Tổng số	Trong đó, vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó, vốn NSTW	Tổng số	Bao gồm			
											Tổng số					Đưa vào cân đối NSTW		Vay lại	Đưa vào cân đối NSTW
TỔNG SỐ						1,951,816	458,662			1,493,154	520,943	972,211	146,990	74,927		72,063	33,769	38,294	209,200
I	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2022					176,460	14,244			162,216	121,662	40,554	35,827	8,827		27,000	20,250	6,750	33,803
1	Sửa chữa nâng cao an toàn đập (Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương)	2018-2022	WB	Ngày 08/4/2016	Tháng 6/2022	2395; 18/8/2020	176,460	14,244	07 triệu USD	162,216	121,662	40,554	35,827	8,827		27,000	20,250	6,750	33,803
II	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2022						1,775,356	444,418		1,330,938	399,281	931,657	111,163	66,100		45,063	13,519	31,544	175,397
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	2018-2023	WB	Ngày 29/11/2019	Ngày 30/6/2025	967; 22/3/2019	1,775,356	444,418	59,119 triệu USD	1,330,938	399,281	931,657	111,163	66,100		45,063	13,519	31,544	175,397